

Số: 931/QĐ-UBND

Đình Lập, ngày 04 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng khu Trung tâm
xã Kiên Mộc huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn tỷ lệ 1/500**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÌNH LẬP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng đô thị; Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn quốc gia về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới và bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1494/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2022 -2025 tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 2104/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1301/QĐ-UBND ngày 27/04/2023 của UBND huyện Đình Lập phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Kiên Mộc, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 2305 /QĐ-UBND ngày 31/07/2023 của UBND huyện Đình Lập phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán quy hoạch chi tiết khu trung tâm xã Kiên Mộc huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn, tỷ lệ 1/500;

Căn cứ Công văn số 2497/SXD-QHKT&PTĐT ngày 27/11/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn về việc ý kiến thẩm định đồ án Quy hoạch Chi tiết xây dựng khu Trung tâm xã Kiên Mộc, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn tỷ lệ 1/500;

Theo đề nghị của Chủ tịch UBND xã Kiên Mộc tại Tờ trình số 50/TTr-KTHT ngày 07/12/2023 và đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo kết quả thẩm định số 04/BCTĐ-KTHT ngày 18/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu trung tâm xã Kiên Mộc, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn, tỷ lệ 1/500, với các nội dung sau:

1. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch

Xã Kiên Mộc đã được phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng giai đoạn 2021-2030, để tổ chức, sắp xếp, không gian, kiến trúc cảnh quan điểm dân cư trung tâm xã, đồng thời làm cơ sở quản lý hiệu quả sử dụng đất, các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, vệ sinh môi trường khu trung tâm xã; tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, làm thay đổi diện mạo nông thôn, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân trên địa bàn xã. Do đó, việc lập quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm xã Kiên Mộc là hết sức cần thiết.

2. Tính chất, mục tiêu của đồ án quy hoạch

- Trung tâm xã Kiên Mộc có chức năng chính là nơi bố trí các công trình công cộng quan trọng của xã có ảnh hưởng lớn đến các khu vực xung quanh như: Khu hành chính của xã, trạm y tế, bưu điện, nhà văn hoá, các công trình giáo dục... Ngoài ra, trong trung tâm xã còn có các khu dân cư, khu công viên cây xanh, thể dục thể thao, khu công trình dịch vụ công cộng khác...

- Xác định các khu chức năng phục vụ công cộng, các khu chức năng còn thiếu hoặc không đủ diện tích theo tiêu chí xã nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao, làm cơ sở cho việc triển khai các dự án đầu tư xây dựng, quy hoạch hệ thống giao thông, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội phù hợp với khu vực lập quy hoạch và các khu vực xung quanh, làm cơ sở cho công tác quản lý xây dựng, quản lý sử dụng đất trong khu vực trung tâm xã.

3. Giới hạn, phạm vi nghiên cứu

3.1. Vị trí, ranh giới khu đất quy hoạch

Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch khu trung tâm xã Kiên Mộc tại vị trí thôn Bản Phục và thôn Bản Hang, ranh giới được xác định cụ thể như sau:

- + Phía Bắc giáp đất nông nghiệp và sông Kỳ Cùng;
- + Phía Nam giáp đất rừng hiện trạng;
- + Phía Đông giáp đất nông nghiệp hiện trạng;

- + Phía Tây giáp đất nông nghiệp và đất rừng hiện trạng.

3.2. Quy mô nghiên cứu quy hoạch

- Quy mô diện tích quy hoạch khu trung tâm xã khoảng 16,2 ha;
- Dân số:
- + Dân số hiện trạng khu vực lập quy hoạch: 308 người;
- + Dự báo dân số quy hoạch trung tâm xã khoảng 1.676 người.

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật quy hoạch trung tâm xã

- Đất ở: $\geq 100 \text{ m}^2/\text{người}$
- + Đất xây dựng nhà ở: $\geq 25 \text{ m}^2/\text{người}$
- + Đất vườn ao: $\geq 75 \text{ m}^2/\text{người}$
- Đất công trình công cộng: $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$
- Đất cây xanh - Thể dục thể thao: $\geq 2 \text{ m}^2/\text{người}$
- Đất giao thông và HTKT: $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$

5. Định hướng tổ chức cơ cấu không gian kiến trúc

5.1. Công trình công cộng

Đất công trình công cộng có diện tích 2,1ha; các công trình này được xây dựng kiên cố, chủ yếu nằm dọc trên tuyến đường ĐT246, trong đó:

- Trụ sở UBND xã đã có diện tích hiện trạng 5.929,3m² và mở rộng lên phía Bắc diện tích khu đất sau quy hoạch là 8.151,0 m², tầng cao tối đa 3 tầng, mật độ xây dựng 40%. Xây dựng mới theo mẫu của tỉnh.

- Nhà văn hóa xã đã có giữ nguyên và nằm trong khuôn viên trụ sở UBND xã

- Bưu điện đã có, tầng cao 2 tầng, diện tích 175,5m² mật độ xây dựng 40 %. Xây dựng mới theo mẫu của tỉnh.

- Y tế xã đã có giữ nguyên theo hiện trạng, tầng cao tối đa 3 tầng, diện tích khu đất 1.201,0 m² mật độ xây dựng 40%. Xây dựng và cải tạo theo mẫu của tỉnh.

- Trường Mầm non đã có diện tích hiện trạng 2.816,1m² mở rộng quy mô về phía Tây tổng diện tích khu đất sau quy hoạch 3.021,3 m² tầng cao tối đa 3 tầng, mật độ xây dựng 40%.

- Trường Tiểu học đã có diện tích hiện trạng 2.311,9 m², tầng cao tối đa 3 tầng, mở rộng quy mô về phía bắc diện tích đất sau quy hoạch là 3.475,7 m², mật độ xây dựng 40%.

- Trường THCS đã có diện tích hiện trạng 3.189,4m², tầng cao tối đa 3 tầng, mở rộng quy mô về phía đông bắc diện tích đất sau quy hoạch là 4.371,2 m², mật độ xây dựng 40%.

- Nhà văn hóa thôn Bản Phục đã có, diện tích hiện trạng là 245,3m², mở rộng quy mô về phía đông diện tích sau quy hoạch là 1.071,3 m². Xây dựng theo mẫu của tỉnh.

5.2. Công trình an ninh quốc phòng

- Trụ sở công an xã quy hoạch mới ở phía Tây trụ sở UBND xã, tầng cao tối đa 3 tầng, diện tích khu đất sau quy hoạch là 1.092,9 m² mật độ xây dựng 40%. Xây dựng mới theo mẫu của tỉnh.

- Ban chỉ huy quân sự xã quy hoạch mới, tầng cao tối đa 3 tầng, diện tích khu đất sau quy hoạch là 504,0 m² mật độ xây dựng 40%. Xây dựng mới theo mẫu của tỉnh.

5.3. Công trình thể dục thể thao, cây xanh

- Sân thể thao trung tâm xã: Quy hoạch mới diện tích 10.567,7m². Xây dựng hệ thống chiếu sáng, cây xanh, đường dạo, bố trí ghế đá, xây dựng hàng rào, lưới bảo vệ xung quanh khu vực.

- Khu khuôn viên: Bố trí giáp khu dân cư hiện trạng và vùng lõi khu dân cư mới tận dụng vị trí sườn đồi dốc. Xây dựng mới hệ thống chiếu sáng, cây xanh, đường dạo, bố trí ghế đá, lưới bảo vệ xung quanh khu vực.

- Các công trình hạ tầng kỹ thuật khác: Bố trí bãi đỗ xe nằm trong sân thể thao quy hoạch. Xây dựng hệ thống chiếu sáng, cây xanh, bố trí ghế đá, xây dựng hàng rào, lưới bảo vệ xung quanh khu vực.

5.4. Đất Thương mại dịch vụ: Trong giai đoạn không bố trí đất cho chợ trung tâm xã, thay vào đó tập trung phát triển cửa hàng tiện lợi, buôn bán các sản phẩm của địa phương, phục vụ sinh hoạt hàng ngày của người dân.

5.5. Khu ở: Nhà ở hiện hữu chỉnh trang, nhà ở xây dựng mới trong từng nhóm do tập quán sử dụng sẽ được bố trí thành các loại hình nhà ở: Nhà ở liền kề kết hợp kinh doanh, nhà liền kề vườn, nhà vườn. Đất nhóm nhà ở có tổng diện tích là 59.990,7m² (5,99ha). Trong đó:

- Đất ở hiện hữu chỉnh trang giữ nguyên theo hiện trạng với tổng diện tích 14.618,1 m² nằm dọc đường tỉnh 246 và một số tuyến đường nội bộ trong khu vực lập quy hoạch.

- Đất ở xây dựng mới được quy hoạch tại những vị trí đất nông nghiệp xen kẹp trong khu dân cư, đất canh tác kém hiệu quả nhằm phục vụ nhu cầu về đất ở trong tương lai với diện tích 45.372,6m² (4,5ha) nằm dọc đường tỉnh 246 và một số tuyến đường nội bộ.

(Có phụ lục chỉ tiêu sử dụng đất kèm theo)

6. Quy hoạch sử dụng đất:

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
TỔNG DIỆN TÍCH KHU TRUNG TÂM		162.160,1	100%
A	Đất xây dựng	158.812,1	97,9%
I	Đất công cộng	21.467,0	13,2%

1	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa xã	8.151,0	5,0%
2	Bru điện	175,5	0,1%
4	Trạm y tế	1.201,0	0,7%
5	Trường mầm non TT xã	3.021,3	1,9%
6	Trường Tiểu học	3.475,7	2,1%
7	Trường trung học cơ sở	4.371,2	2,7%
8	Nhà văn hóa thôn Bản Phục	1.071,3	0,7%
II	Đất cây xanh, thể dục thể thao	19.051,7	11,7%
III	Đất an ninh, quốc phòng	1.596,9	1,0%
1	Trụ sở công an xã	1.092,9	0,7%
2	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã	504,0	0,3%
IV	Đất ở	59.990,7	37,0%
V	Đất hạ tầng kỹ thuật	56.705,8	35,0%
B	Đất khác	3.348,0	2,1%

7. Quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan

7.1. Định hướng chung

- Tuyến đường tỉnh 246 là tuyến đường trục chính để tiếp cận khu trung tâm xã.

- Đảm bảo kết nối hài hòa không gian quy hoạch kiến trúc cảnh quan của đồ án với các dự án đầu tư khác.

- Bố cục quy hoạch các công trình được nghiên cứu trên cơ sở phân tích về các điều kiện hiện trạng của khu đất, lựa chọn giải pháp tối ưu để hạn chế tác động xấu của hướng nắng (nhất là hướng Đông - Tây), hướng gió để cải thiện điều kiện vi khí hậu trong công trình.

- Tầng cao các công trình trong khu vực lập quy hoạch đều tổ chức theo hướng thấp tầng, tạo không gian hài hòa với cảnh quan chung khu vực, đồng bộ giữa khu mới và khu hiện hữu.

7.2. Giải pháp cụ thể

- Khu ở:

+ Khu ở hiện trạng: Chủ yếu giữ nguyên các khu dân cư theo hiện trạng, tôn trọng các nét đặc trưng nhà ở hiện hữu, tuy nhiên cần cải tạo chỉnh trang để hài hòa về không gian kiến trúc, cảnh quan. Đồng thời huy động các nguồn vốn để cải tạo nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật như giao thông, điện, nước... nhằm ổn định và nâng cao chất lượng môi trường sống. Các công việc cần cải tạo, chỉnh trang khu dân cư bao gồm: Mở rộng và cứng hóa các tuyến đường nội thôn, hoàn thiện hệ thống thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, chỉnh trang, cải tạo công trình trong khuôn viên ở của từng hộ gia đình để thuận tiện cho sinh hoạt, sản xuất và đảm bảo vệ sinh môi trường. Xây dựng hệ thống lưu gom và vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

+ Khu ở mới: Bố trí các khu nhà ở xây dựng mới trên cơ sở chuyển đổi một phần diện tích đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư, đất canh tác kém hiệu quả nhằm phục vụ nhu cầu về đất ở trong tương lai. Các khu nhà ở mới được

xây dựng với hình thức kiến trúc hiện đại trên cơ sở kế thừa bản sắc và kiến trúc truyền thống.

7.3. Các yêu cầu về tổ chức và bảo vệ cảnh quan chính như sau:

- Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc được quy định cho từng ô đất trong “Bảng quy hoạch sử dụng đất khu trung tâm xã”, cần được tuân thủ khi thiết kế công trình. Việc điều chỉnh quy mô, chỉ tiêu sử dụng đất phải được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận theo quy định của pháp luật.

- Việc đầu tư xây dựng, khai thác sử dụng các công trình phải tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan, hình thức kiến trúc phải được nghiên cứu đồng bộ trong việc gắn kết không gian khu vực.

- Tại các vị trí theo quy hoạch là các công trình tạo điểm nhấn không gian kiến trúc cảnh quan cho toàn bộ khu vực phải đảm bảo quy mô, tính chất điểm nhấn không gian, tạo tính đặc thù riêng và gắn kết với không gian xung quanh.

- Khi thi công phải đảm bảo khoảng lùi tối thiểu của công trình đã không chế và khoảng cách các công trình theo quy định, các công trình phụ trợ như nhà để xe, phòng thường trực... có thể trùng chỉ giới đường đỏ.

- Mặt bằng tổ hợp các công trình tại bản vẽ sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan mang tính chất minh họa, khi lập dự án đầu tư xây dựng cho từng hạng mục công trình, sẽ được nghiên cứu cụ thể đảm bảo phù hợp với nhu cầu sử dụng, định mức quy định, tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn và các yêu cầu không chế về chỉ tiêu sử dụng đất và không gian kiến trúc cảnh quan của quy hoạch.

- Đối với vườn hoa, cây xanh trong khu vực nghiên cứu: Không xây dựng công trình có khối tích quá lớn, chủ yếu trồng cây xanh, làm vườn hoa kết hợp với kiến trúc tiểu cảnh, công trình phụ trợ... hình thức tổ chức sân vườn đẹp, phong phú, thuận tiện cho sử dụng chung. Cây trồng sử dụng nhiều chủng loại, đảm bảo tươi xanh cho cả bốn mùa, thiết kế tăng cường hiệu quả sử dụng cho người đi, hàng rào (nếu có) cần thiết kế thoáng, không che chắn tầm nhìn, bố trí lối ra vào thuận tiện.

8. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

8.1. Quy hoạch giao thông

- Giao thông đối ngoại: Mặt cắt 1-1 (ĐT246) rộng 19,5m; trong đó lòng đường 2x5,25m=10,5m; vỉa hè hai bên 2x4,5m=9,0m;

- Giao thông đối nội: Mặt cắt 2-2 rộng 12,0m; trong đó lòng đường 6,0m; vỉa hè hai bên 2x3,0=6,0m;

- Giao thông tĩnh: Trong phạm vi nghiên cứu quy hoạch đã dự kiến bố trí tại khuôn viên các khu vực công cộng. Tùy theo quy mô công trình để bố trí bãi đỗ xe.

- Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật:

+ Chỉ giới đường đỏ và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật: tuân thủ theo đúng chỉ giới đường đỏ và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật theo quy định

+ Chỉ giới xây dựng: cần tuân thủ theo quy chuẩn QCVN 01-2021 và thực hiện theo bản vẽ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng của đồ án.

8.2. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng

- Quy hoạch san nền

+ San nền theo nguyên tắc tuân thủ định hướng quy hoạch chung xây dựng huyện Đình Lập, quy hoạch chung xây dựng xã Kiên Mộc được duyệt, đảm bảo thoát nước tự chảy và giảm tối đa khối lượng đào đắp. Nền xây dựng các khu vực mới gắn kết với khu vực cũ, đảm bảo thoát nước mặt tốt, đảm bảo chiều cao nền phù hợp với không gian kiến trúc và cảnh quan toàn khu. Toàn bộ diện tích khu vực được thiết kế cao độ khớp nối với cao độ đường tỉnh 246 và khu dân cư hiện trạng.

+ Cốt san nền thấp nhất là +326,00 m; cốt san nền cao nhất là +333,45 m.

- Quy hoạch thoát nước mưa

+ Hệ thống thoát nước được thiết kế là hệ thống thoát nước riêng giữa thoát nước thải và thoát nước mưa.

+ Hướng thoát nước chính: Nước mưa từ các lô đất chảy vào hệ thống cống trên các tuyến đường giao thông sau đó thoát ra sông Kỳ Cùng.

+ Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế là cống BTCT đường kính D400 - D1000.

+ Trên hệ thống thoát nước bố trí các công trình kỹ thuật như: giếng thu nước, giếng kiểm tra theo quy định hiện hành.

+ Hệ thống thoát nước sử dụng rãnh xây gạch hoặc bê tông cốt thép. Độ dốc tối thiểu là 1/D. Hệ thống thoát nước đảm bảo đầy đủ, đồng bộ từ tuyến thoát nước đến các công trình trên tuyến như: giếng thu, giếng thăm đúng các yêu cầu kỹ thuật.

8.3. Quy hoạch cấp nước

- Nguồn nước: Nguồn cấp nước dự kiến chờ trên đường tỉnh 246.

- Được thiết kế là mạng vòng kết hợp mạng nhánh cụt theo nguyên tắc cấp trực tiếp từ các tuyến ống phân phối và dịch vụ có đường kính D50÷D110mm (việc bố trí bể chứa và trạm bơm cục bộ trong các công trình phải được tính toán cụ thể); đường ống phân phối lấy nước từ mạng lưới cấp nước (việc bố trí bể chứa và trạm bơm cục bộ trong các công trình sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn sau).

- Các tuyến ống cấp nước phân phối được bố trí trên hè, đảm bảo khoảng cách ly an toàn đối với các công trình ngầm khác theo quy chuẩn quy định.

- Mạng lưới cấp nước sạch được thiết kế mới, sử dụng đường ống đi ngầm.

- Trên cơ sở lưu lượng nước tổng và lưu lượng nước cung cấp cho các hộ tiêu thụ lựa chọn mạng lưới tuyến ống cấp nước bao gồm các kích thước.

- Các tuyến ống dịch vụ đường kính D50mm được rẽ nhánh từ tuyến ống phân phối cấp cho các công trình công cộng, dịch vụ và sinh hoạt.

- Cấp nước cứu hỏa: Nước chữa cháy được lấy từ các họng cứu hỏa nằm chung với đường ống cấp nước sinh hoạt thông qua các trụ cứu hỏa. Đối với các công trình cao tầng, hệ thống cấp nước chữa cháy sẽ được thiết kế riêng cho từng công trình đảm bảo theo các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn hiện hành về phòng cháy chữa cháy.

8.4. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Thoát nước thải

- + Hệ thống thoát nước thải: Sử dụng hệ thống thoát nước riêng giữa nước thải và nước mưa

- + Xử lý nước thải: Bố trí 2 trạm xử lý nước thải, trạm 1 công suất 170m³/ngđêm (xử lý khu vực phía Bắc) và trạm 2 công suất 100m³/ngđêm (xử lý khu vực phía Nam), sau khi được xử lý sẽ đảm bảo cột A rồi thoát ra ga nước mưa, thoát ra môi trường. Nguồn phát thải chủ yếu là nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất. Nước thải được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại tại các công trình sau đó được thu gom bằng cống thoát nước D300-D400, dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung, nước thải hợp chuẩn đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh môi trường theo quy định hiện hành trước khi thoát ra môi trường. Dọc theo các tuyến cống thoát nước thải bố trí các hố ga nước thải (giếng thăm) tại vị trí thay đổi tiết diện cống, chuyển hướng cống để nạo vét bảo dưỡng định kỳ và sửa chữa ống cống. Độ dốc đặt cống $I_{min} = 1/D$.

- Vệ sinh môi trường

- + CTR cần phân loại tại nguồn thành tối thiểu 2 loại: CTR vô cơ và CTR hữu cơ. CTR hữu cơ thu gom hàng ngày. CTR vô cơ định kỳ thu gom.

- + Rác thải thu gom từ các công trình được vận chuyển đến khu xử lý rác thải tập trung của xã.

- + Dự kiến bố trí các nhà vệ sinh công cộng tại ô đất cây xanh (vị trí, quy mô cụ thể sẽ được xây dựng trong các giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng). Đối với các công trình công cộng, nhà vệ sinh công cộng được bố trí tại công trình...

8.5. Quy hoạch cấp điện

- Cấp điện sinh hoạt

- + Nguồn điện: Các trạm biến áp thuộc dự án được cấp điện từ nguồn điện trung thế 35KV hiện trạng đi qua khu quy hoạch.

- + Trạm biến áp: Trạm biến áp kiểu trạm Kiosk hoặc trạm Compact phù hợp với các gam máy biến áp có công suất phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực. Máy biến áp dùng loại 35(22)/0,4KV.

- + Lưới điện trung thế: Toàn bộ tuyến cáp trung thế xây dựng mới sử dụng cáp ngầm bảo vệ cách điện bằng XLPE/PVC có đai thép bảo vệ và có đặc tính chống thấm dọc.

+ Lưới điện hạ thế: Từ các trạm biến áp xây dựng các tuyến hạ thế đến các tủ điện tổng, các tủ điện công tơ phụ tải hộ tiêu thụ. Trong thời gian trước mắt các tuyến cáp hạ thế có thể đi nổi trên cột, về lâu dài bố trí đi ngầm dưới lòng đường hoặc lề đường. Đối với các tuyến ngõ, nhánh hiện có, tiếp tục sử dụng lưới điện hạ thế, chiếu sáng hiện trạng. Trong quá trình lập dự án đầu tư xây dựng cần có giải pháp đồng bộ với lưới hạ thế, chiếu sáng theo quy hoạch.

- Cáp điện chiếu sáng

Lưới điện chiếu sáng: Lưới điện chiếu sáng được bố trí trên các tuyến đường quy hoạch và các thảm cỏ để chiếu sáng cho cây xanh và sân, đường nội bộ. Cáp điện chiếu sáng được chôn ngầm trực tiếp trong các hào cáp tiêu chuẩn. Nguồn điện dùng cho chiếu sáng hệ thống giao thông được cấp từ các trạm biến áp trong khu vực lập quy hoạch

8.6. Quy hoạch thông tin liên lạc

- Nguồn cấp: Từ tổng đài vệ tinh hiện có của khu vực xây dựng tuyến cáp quang nằm trên trục đường tỉnh 246 cấp cho các thuê bao trong khu vực lập quy hoạch.

- Vật liệu sử dụng luôn cáp thông tin dự kiến sử dụng ống HDPE ngành viễn thông. Đối với tuyến cáp chính dẫn từ vị trí đầu nối đến vị trí các tủ cáp sử dụng 2 ống luồn HDPE D100. Đối với các tuyến cáp phân phối từ tủ cáp đến các lô đất công trình sử dụng 2 ống luồn HDPE D60. Tại các vị trí ngã giao nhau giữa các tuyến ống luồn cáp bố trí các ga thăm thông tin để phục vụ cho việc bảo trì và kéo cáp (các vị trí ga thăm thông tin sẽ được xác định ở bước lập dự án đầu tư).

- Vị trí các tủ cáp, tủ phân phối và hướng đi cáp thông tin chỉ có tính chất định hướng và sẽ được cụ thể ở các bước thiết kế tiếp theo.

9. Đánh giá tác động môi trường chiến lược

9.1 Giải pháp về quản lý, giám sát môi trường:

- Hướng dẫn hỗ trợ các nhà đầu tư tham gia đầu tư xây dựng và khai thác sử dụng trong khu vực khi áp dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ tiên tiến để bảo vệ và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Khuyến khích người dân sử dụng các phương tiện giao thông không gây ô nhiễm môi trường.

- Tuyên truyền hướng dẫn người dân sử dụng bể tự hoại trong từng hộ gia đình để xử lý nước thải đảm bảo vệ sinh môi trường trước khi thoát ra hệ thống cống thoát nước thải chung.

- Có chế tài cụ thể đối với việc quản lý, giám sát tác động tới môi trường đồng thời đề ra chương trình và kế hoạch quản lý các hoạt động liên quan tới môi trường;

- Hỗ trợ các hoạt động tự quản về bảo vệ môi trường trong khu vực.

9.2 Giải pháp về kỹ thuật

- Đối với hoạt động công cộng, dịch vụ và trường học:

+ Phải có đầy đủ các thiết bị, dụng cụ thu gom, nơi tập trung chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại và đáp ứng các yêu cầu tiếp nhận chất thải đã được phân loại tại các cơ sở công cộng, thương mại, dịch vụ trong hoạt động kinh doanh, dịch vụ tập trung.

+ Phải có hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung, hệ thống xử lý khí thải đạt tiêu chuẩn môi trường và được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

- Đối với các hoạt động của dân cư trong khu vực và nơi công cộng:

+ Có nơi tập trung chất thải rắn sinh hoạt bảo đảm vệ sinh môi trường và các yêu cầu về cảnh quan đô thị, đồng thời phải có các thiết bị, phương tiện thu gom, tập trung CTR sinh hoạt phù hợp với khối lượng, chủng loại chất thải và đủ khả năng tiếp nhận chất thải đã được phân loại tại nguồn từ các hộ gia đình trong khu dân cư.

+ Bố trí công trình vệ sinh công cộng; phương tiện, thiết bị thu gom chất thải đáp ứng nhu cầu giữ gìn vệ sinh môi trường;

+ Các hộ gia đình có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường: Thu gom và chuyển chất thải sinh hoạt, xả nước thải vào hệ thống thu gom nước thải theo đúng quy định, không được phát tán khí thải, gây tiếng ồn và tác nhân khác vượt quá tiêu chuẩn môi trường gây ảnh hưởng đến sức khỏe, sinh hoạt của cộng đồng dân cư xung quanh.

- Đối với hoạt động xây dựng trong khu vực:

+ Áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến, cơ giới hoá các thao tác và quá trình thi công để đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

+ Các công trình xây dựng trong khu vực phải có biện pháp che chắn bảo đảm không phát tán bụi, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng vượt quá tiêu chuẩn cho phép và hoạt động xây dựng theo đúng quy định.

+ Việc vận chuyển vật liệu xây dựng phải được thực hiện bằng các phương tiện bảo đảm yêu cầu kỹ thuật không làm rò rỉ, rơi vãi, gây ô nhiễm môi trường.

+ Xây dựng các nhà vệ sinh tạm thời phục vụ công nhân trên công trường xây dựng, đồng thời có những biện pháp chống gây ô nhiễm đối với môi trường xung quanh.

+ Có kế hoạch thi công xây dựng hợp lý nhằm hạn chế ảnh hưởng của tiếng ồn đến sinh hoạt của dân cư trong khu vực. Không sử dụng các phương tiện thi công cơ giới vào ban đêm để tránh tiếng ồn, ảnh hưởng tới người dân.

+ Nước thải, chất thải rắn và các loại chất thải khác phải được thu gom và vận chuyển tới khu xử lý theo quy định.

10.1 Các dự án ưu tiên đầu tư

- Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật như đường giao thông, hệ thống cấp, thoát nước...

- Xây dựng khu khuôn viên cây xanh.

- Xây dựng các công trình công cộng và cơ quan.

10.2 Tính toán sơ bộ tổng mức đầu tư và giải pháp huy động nguồn lực.

10.2.1 Sơ bộ tổng mức đầu tư được tính toán dựa trên hướng dẫn tại Quyết định 610/QĐ-BXD ngày 13/7/2022 của Bộ xây dựng cụ thể như sau:

Tổng hợp kinh phí đầu tư		
STT	Hình thức đầu tư	Tổng kinh phí (triệu đồng)
I	Công trình hạ tầng kỹ thuật	141.102
	8.710 triệu đồng/ha x 16,2 ha	141.102
II	Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	48.600
	3.000 triệu đồng/ha x 16,2 ha	48.600
	Tổng cộng: (I+II)	189.702

10.2.2 Giải pháp huy động nguồn lực

- Vốn ngân sách nhà nước;
- Vốn đầu tư ngoài ngân sách; vốn xã hội hoá và từ nhân dân dân đóng góp và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND xã Kiên Mộc có trách nhiệm tổ chức công bố công khai đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu trung tâm xã Kiên Mộc, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn, tỷ lệ 1/500; quản lý hồ sơ, tài liệu và quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan, sử dụng đất, xây dựng hệ thống công trình hạ tầng và không gian xây dựng theo quy hoạch được duyệt. Thực hiện quản lý quy hoạch theo Quy định quản lý theo đồ án đã được phê duyệt.

2. Phòng Kinh tế và Hạ tầng phối hợp với UBND xã Kiên Mộc tổ chức công bố, công khai quy hoạch và niêm yết tại Trụ sở làm việc UBND xã theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng; Tài chính - Kế hoạch; Tài nguyên và Môi trường; Văn hóa và Thông tin; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch UBND xã Kiên Mộc và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Xây dựng Lạng Sơn;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng KT và HT; (5b)
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Hà

9	Đất cây xanh-công viên	CX-9	361,0	0,03	0,2%	-	-	-	-	-	-		
10	Đất cây xanh-công viên	CX-10	460,0	0,04	0,3%	-	-	-	-	-	-		
11	Đất cây xanh-công viên	CX-11	795,6	0,1	0,5%	-	-	-	-	-	-		
12	Đất cây xanh-công viên	CX-12	210,0	0,0	0,1%	-	-	-	-	-	-		
III	Đất an ninh, quốc phòng	AN	1.596,9	0,2	1,0%						1.916,3		
1	Trụ sở công an xã	CA	1.092,9	0,1	0,7%	40%	1	3	1,20	437,2	1.311,5		
2	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã	QS	504,0	0,1	0,3%	40%	1	3	1,20	201,6	604,8		
IV	Đất ở		59.990,7	6,0	37,0%							409	1.676
1	Đất ở hiện trạng	ONT	14.618,1	1,5	9,0%							67	308
		ONT-1	368,7	0,03	0,2%	-	-	-	-	-	-	2	8
		ONT-2	2.018,1	0,2	1,2%	-	-	-	-	-	-	9	42
		ONT-3	2.297,2	0,2	1,4%	-	-	-	-	-	-	10	48
		ONT-4	2.624,2	0,3	1,6%	-	-	-	-	-	-	12	55
		ONT-5	232,1	0,02	0,1%	-	-	-	-	-	-	1	4
		ONT-6	550,8	0,1	0,3%	-	-	-	-	-	-	3	12
		ONT-7	2.486,1	0,2	1,5%	-	-	-	-	-	-	11	52
		ONT-8	606,1	0,1	0,4%	-	-	-	-	-	-	3	14
		ONT-9	3.434,8	0,3	2,1%	-	-	-	-	-	-	16	73
2	Đất ở mới	LK	45.372,6	4,5	28,0%							342	1368
		LK-1	720,0	0,1	0,4%	70%	1	3	4,50	648,0	3.240,0	5	20
		LK-2	578,2	0,1	0,4%	70%	1	3	4,50	520,4	2.601,9	6	24
		LK-3	1.132,0	0,1	0,7%	70%	1	3	4,50	1.018,8	5.094,0	9	36
		LK-4	1.082,0	0,1	0,7%	70%	1	3	4,50	973,8	4.869,0	8	32
		LK-5	1.235,9	0,1	0,8%	70%	1	3	4,50	1.112,3	5.561,6	10	40
		LK-6	1.207,7	0,1	0,7%	70%	1	3	4,50	1.086,9	5.434,7	10	40
		LK-7	760,7	0,1	0,5%	70%	1	3	4,50	684,6	3.423,2	6	24
		LK-8	1.570,6	0,2	1,0%	70%	1	3	4,50	1.413,5	7.067,7	12	48
		LK-9	377,6	0,03	0,2%	70%	1	3	4,50	339,8	1.699,2	3	12
		LK-10	1.159,3	0,1	0,7%	70%	1	3	4,50	1.043,4	5.216,9	9	36
		LK-11	2.500,9	0,3	1,5%	70%	1	3	4,50	2.250,8	11.254,1	16	64

